

Bản án số: 65/2020/DS-PT

Ngày: 16/5/2020

V/v: Tranh chấp chia di sản thừa kế.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hải Thanh.

- Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huyền Cường;
Ông Bùi Xuân Trọng.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Vy Minh Huyền - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở, Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 182/2019/TLPT-DS ngày 30 tháng 7 năm 2019 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2019/DS-ST, ngày 24 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2867/2020/QĐ-PT, ngày 29 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Nh, sinh năm 1944. Địa chỉ: Số 240, đường AĐ, ĐC, phường ĐG, quận NQ, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Kim Vân, sinh năm 1961. Địa chỉ: Số nhà 10/28/12 ĐC, phường ĐG, quận NQ, thành phố Hải Phòng (Văn bản ủy quyền ngày 22/02/2020). Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Vũ Văn Th, sinh năm 1957. Địa chỉ: Số 240, đường AĐ, ĐC, phường ĐG, quận NQ, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân quận NQ, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Nguyên Hòa - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường quận NQ (Văn bản ủy quyền ngày 10/4/2018). Vắng mặt.

2. Bà Vũ Thị Th, sinh năm 1954. Địa chỉ: Số 240B, đường AĐ, ĐC, phường ĐG, quận NQ, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

3. Bà Vũ Thị Ph, sinh năm 1960. Địa chỉ: 970 Lei Yee House, Lei Yue Mun Est, Yau Tong, Kowloon, Hong Kong. Vắng mặt.

4. Bà Vũ Thị Nh1, chết năm 1999. Người thừa kế thế vị của bà Nh1 gồm:

4.1. Chị Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số 19 TĐT, quận LC, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

4.2. Chị Lê Thị Hồng Ng, sinh năm 1974. Địa chỉ: St-Galler, StraBe 18A, 9320 Arbon, Schwitzerland (Thụy Sĩ). Vắng mặt.

4.3. Anh Lê Trí T, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số 963 (số cũ 942), đường TĐT, phường SD, quận HB, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Th, bà Ph, chị H, chị Ng: Bà Vũ Thị Nh, sinh năm 1944. Địa chỉ: Số 240B, đường AĐ, ĐC, phường ĐG, quận NQ, thành phố Hải Phòng (*Văn bản ủy quyền ngày 07/8/2017 và 14/8/2017 - BL 646-667*).

5. Bà Lữ Thị Kh, sinh năm 1961. Địa chỉ: Số 10B, ngách 10, ngõ phụ 79, ngõ 275 đường Đông Khê, phường Đông Khê, quận NQ, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

5.1. Chị Vũ Diệp Hoàng Lữ Ng, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số 4/22/315 Đà Nẵng, quận NQ, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

5.2. Chị Vũ Yên Minh An Th, sinh năm 1985. Địa chỉ: Petrinistr.28 97080 Wurburg Duetschland, Germany (Cộng hòa Liên bang Đức).

Người đại diện theo ủy quyền của chị Vũ Yên Minh An Th: Chị Vũ Diệp Hoàng Lữ Ng, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số 4/22/315 Đà Nẵng, quận NQ, thành phố Hải Phòng (*Văn bản ủy quyền ngày 26/7/2017- BL 677*). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 10 năm 2013, đơn khởi kiện bổ sung ngày 03 tháng 3 năm 2014, đơn trình bày ngày 27 tháng 02 năm 2019 và các lời khai của bà Vũ Thị Nh là nguyên đơn và là người đại diện hợp pháp của bà Vũ Thị Th, bà Vũ Thị Ph, chị Lê Thị Ngọc H, chị Lê Thị Hồng Ng trình bày:

Bố mẹ bà là cụ Vũ Văn Th và cụ Trần Thị Th1 có diện tích đất 1.032m² đất ở khu ĐC, xã ĐG, huyện An Hải (nay là khu ĐC, phường ĐG, quận NQ) thành phố Hải Phòng. Hai cụ có 05 người con, gồm: Bà Vũ Thị Nh, bà Vũ Thị Th, ông Vũ Văn Th, bà Vũ Thị Ph và bà Vũ Thị Nh1 (chết năm 1999). Bà Nh1 có các con gồm: Chị Lê Thị Hồng Ng, chị Lê Thị Ngọc H và anh Lê Trí T. Hai cụ không có con nuôi, con riêng. Cụ Th chết năm 1960, cụ Th1 chết tháng 7 năm 2012.

Năm 1983, cụ Th1 cho vợ chồng bà Nh1, ông Tài mượn 50m² đất thuộc thửa số 598 để làm nhà ở. Năm 1984 vợ chồng bà Nh1, ông Tài đã bán nhà và công trình phụ xây trên diện tích đất mượn của cụ Th1 cho ông Bùi Đình Kh. Ngoài ra, cụ Th1 cũng chuyển nhượng cho anh Bùi Văn D 60m², chuyển nhượng cho anh Đỗ Tuấn A 60m².

Ngày 03 tháng 5 năm 2006, cụ Th1 khởi kiện vụ án dân sự về: “Tranh chấp quyền sử dụng đất” với vợ chồng ông Bùi Đình Kh. Bản án phúc thẩm số 29/2011/PTDS ngày 23 tháng 9 năm 2011 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Th1: Buộc gia đình ông Bùi Đình Kh phải trả cho cụ Th1 quyền sử dụng diện tích đất là 30m². Gia đình ông Kh còn phải liên đới bồi thường cho cụ Th1 số tiền là 720.000.000 đồng là giá trị 122m² đất mà ông Kh đã chuyển nhượng cho ông Phạm Đức Thông.

Tại thời điểm Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm năm 2011, toàn bộ diện tích đất nêu trên của gia đình cụ Th1 đã nằm trong diện giải tỏa để xây dựng khu đô thị mới Ngã Năm - Sân bay Cát Bi và được nhà nước trả tiền bồi thường. Theo phương án bồi thường của Ủy ban nhân dân quận NQ thì 30m² đất gia đình ông Kh phải trả cho cụ Th1 được bồi thường số tiền là 2.558.500.000 đồng (Hai tỷ năm trăm năm mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng). Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại, Đầu tư và Phát triển đô thị đã chi trả cho ông Th từ ngày 23 tháng 11 năm 2011. Ông Th nhận tiền nhưng không chia cho cụ Th1 và các anh chị em.

Năm 2012, cụ Th1 và các chị em bà khởi kiện đòi tài sản chung với ông Th, yêu cầu ông Th phải chia 2.558.500.000 đồng (hai tỷ năm trăm năm mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) để trả cho cụ Th1 và bà Vũ Thị Nh, bà Vũ Thị Th, bà Vũ Thị Ph, bà Vũ Thị Nh1 (bà Nh1 đã chết năm 1999 nên các con của bà Nh1 gồm 03 người do cháu H đại diện được nhận). Tại Bản án phúc thẩm số 08/2013/DS-PT ngày 28 tháng 01 năm 2013, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã xử buộc ông Vũ Văn Th phải trả cho cụ Trần Thị Th1, bà Vũ Thị Nh, bà Vũ Thị Th, bà Vũ Thị Nh1 (Đã chết - các con bà Nh1 được hưởng thừa kế thế vị của bà Nh1) mỗi người là 446.300.000 đồng; số tiền 446.300.000 đồng của cụ Th1 được giao cho ông Th, bà Nh, bà Th, bà Ph, đại diện các con của bà Nh1 là chị H. Chị em bà Nh đã có đơn yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự quận NQ thi hành Bản án phúc thẩm số 08/2013/DS-PT ngày 28 tháng 01 năm 2013 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nhưng đến nay ông Th vẫn chưa thi hành.

Thực hiện dự án xây dựng khu đô thị mới Ngã Năm - Sân bay Cát Bi, tại Quyết định thu hồi đất số 394/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân quận NQ, diện tích đất của cụ Th1 còn lại bị thu hồi là: 672,3m² đất (trong đó đất thổ cư là 469,4m², đất nương là 201,6 m²) thuộc thửa số 31A, 31B phường ĐG tại số 240 An Đà, phường ĐG.

Bà Nh khai diện tích đất 200m² hiện nay ông Th đang sử dụng không phải là tài sản chung của ông Th và bà Kh. Ông Th và bà Kh đã ly hôn năm 1994. Khi còn sống cụ Th1 không có văn bản nào cho vợ chồng ông Th diện tích đất này. Ông Th và bà Kh chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chưa đăng ký kê khai quyền sử dụng đất. Bà Nh không đồng ý yêu cầu chia tài sản cho bà Kh vì bà Kh là con dâu, không phải hàng thừa kế. Ông Th sử dụng đất của bố mẹ từ năm 1984, khi vợ chồng ông Th xây nhà ở các chị em bà và cụ Th1 đều không có ý kiến gì đến thời điểm tranh chấp tài sản thừa kế. Năm 2003 bà về ở trên đất của bố mẹ. Diện tích đất có tăng thêm là do lấp nương thoát

nước, không ai vượt lập. Nếu cụ Th1 cho vợ chồng ông Th thì phải được thể hiện trong sổ địa chính của phường. Đối chiếu với Án lệ số 03 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì vợ chồng ông Th chưa tiến hành kê khai đất, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên diện tích đất 200m² vẫn thuộc quyền quản lý của cụ Th1 và là di sản thừa kế của cụ Th1.

Đối với các tài sản trên đất của ông Th, bà Kh: Các con ông Th và chị em bà đều đã nhận tiền bồi thường tại Trung tâm phát triển quỹ đất quận NQ từ tháng 4, tháng 5 năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nh yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cụ Th và cụ Th1 theo Quyết định thu hồi đất số 394/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân quận NQ với diện tích đất 465,4m² đã có phương án bồi thường với số tiền là 5.036.282.055 đồng, số tiền này chia đều cho 05 anh chị em là ông Th, bà Nh, bà Th, bà Nh1, bà Ph. Phần của bà Nh1 sẽ giao cho các con bà Nh1 quản lý. Diện tích đất ở của cụ Th1 còn lại là 123,4m² chưa thu hồi nên chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Nh còn yêu cầu chia số tiền 446.300.000 đồng của cụ Th1 theo Bản án phúc thẩm số 08/2013/DS-PT ngày 28 tháng 01 năm 2013 Tòa án nhân thành phố Hải Phòng và các yêu cầu khác có trong quá trình giải quyết vụ án nhưng sau đó đã rút yêu cầu này.

* Bị đơn ông Vũ Văn Th vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ông Th trình bày như sau:

Nhất trí với lời khai của bà Vũ Thị Nh về quan hệ bố mẹ, anh chị em trong gia đình. Cụ Th chết năm 1960, cụ Th1 chết năm 2012 đều không để lại di chúc; bà Vũ Thị Nh1 chết năm 1999 có 03 con gồm: Chị Lê Thị Hồng Ng, chị Lê Thị Ngọc H và anh Lê Trí T.

Khi còn sống bố mẹ ông có hai thửa đất 598 và 599 có tổng diện tích 1.023m² tại khu ĐC, phường ĐG, quận NQ, thành phố Hải Phòng. Trong toàn bộ diện tích 1.023m² đất thì cụ Th1 đã bán, cho các đối tượng và được nhận tiền đền bù khi Nhà nước thu hồi đất theo Bản án dân sự phúc thẩm số 29/2011/DS-PT ngày 23 tháng 9 năm 2011 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng như sau:

+ 216,4m² giao cho gia đình ông Bùi Đình Kh.

+ 30lm² gia đình ông Kh trả lại cụ Th1 đã được nhận bằng tiền đền bù của dự án.

+ 125m² là đất của cụ Th1 nhưng ông Kh tự ý bán cho người khác nên gia đình ông Kh phải trả bằng tiền là 720.000.000 đồng.

+ Khoảng năm 2000, cụ Th1 đứng tên chuyển nhượng 60m² cho ông Bùi Văn D và chuyển nhượng 60m² cho ông Đỗ Tuấn A.

Ông Th không đồng ý chia di sản thừa kế vì tài sản của cụ Th1 đã bán hết. Diện tích đất còn lại là tài sản chung của ông Th và bà Kh. Ông và bà Kh đã ở trên diện tích này từ năm 1984 đến nay. Từ năm 1984 ông bà đã xây nhà ở nhưng không ai có ý kiến gì. Ông Th đề nghị Tòa án xác định diện tích đất

465,4m² bị thu hồi là tài sản chung của ông và bà Kh (vợ ông Th nhưng đã ly hôn), không phải là di sản thừa kế. Tài sản trên đất bị thu hồi gia đình ông đã nhận tiền bồi thường; tiền bồi thường đất bị thu hồi chưa được nhận vì đang có tranh chấp nhưng nhà nước đã có phương án bồi thường. Đối với số tiền bồi thường 2.558.500.000đồng theo Bản án phúc thẩm số 08/2013/DS-PT ngày 28 tháng 01 năm 2013 của Tòa án nhân thành phố Hải Phòng, ông Th sẽ có trách nhiệm thanh toán tiền cho chị em bà Nh như quyết định của bản án đã tuyên.

* Tại Biên bản lấy lời khai ngày 19 tháng 7 năm 2017, Bà Lữ Thị Kh là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Kh và ông Th kết hôn năm 1982. Vợ chồng chung sống cùng với cụ Trần Thị Th1 tại xóm ĐC, phường ĐG, quận NQ, Hải Phòng. Khoảng năm 1984, ông Th bàn với bà xin phép cụ Th1 ra ở riêng (là diện tích đất hiện nay ông Th đang ở). Lúc đầu khu đất chỉ là ao, hồ và phía trước là bờ mương. Vợ chồng bà phải xắn đất vạt vào những chỗ đất trũng để làm móng nhà và đã xây dựng được một nhà cấp 4 khoảng 24m². Lúc xây dựng nhà, mẹ chồng và các chị em chồng đều biết, không ai có ý kiến gì. Đến cuối năm 1984, vợ chồng bà xây dựng thêm được bếp và công trình phụ cùng tường bao xung quanh khoảng 200m². Năm 1994, vợ chồng bà ly hôn. Năm 1998, địa chính phường vào đo vẽ lại để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà và ông Th nhưng chưa được cấp mà toàn bộ diện tích đất này vẫn mang tên cụ Th1. Từ sau năm 1994, ông Th còn sửa chữa nhà nhiều lần nữa mới được như hiện trạng bây giờ. Bà và ông Th có hai con chung là Vũ Diệp Hoàng Lữ Ng và Vũ Yến Minh An Th. Cụ Th1 chết năm 2012. Cụ Th1 có 05 người con là bà Nh, bà Nh1 (đã chết), bà Th, bà Ph và ông Th. Lúc còn sống cụ Th1 có 1.023m² đất tại 240 ĐG, NQ, Hải Phòng. Diện tích đất 200m² của bà và ông Th nằm trong diện tích đất 1.023m² của cụ Th1 mà năm 1984 đã xin cụ Th1 để ra ở riêng. Trong diện tích đất 1.023m² cụ Th1 đã bán cho một số người và năm 2013, Ủy ban nhân dân quận NQ có quyết định thu hồi 465m² đất thổ cư của cụ Th1 trong đó có 200m² đất là của bà và ông Th. Diện tích đất bị thu hồi chưa ai được lấy tiền bồi thường về đất. Riêng tài sản trên đất, đã được lấy đủ từng phần của mỗi người. Bà Kh yêu cầu Tòa án xem xét lại di sản của cụ Th1 còn là bao nhiêu để chia cho anh em ông Th. Và xem xét đến tài sản chung của bà và ông Th có trong phần diện tích đất 465m² bị thu hồi. Ngày 02 tháng 3 năm 2018 Bà Lữ Thị Kh có đơn yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của bà và ông Th là diện tích đất 200m² nằm trong diện tích đất mà Ủy ban nhân dân quận NQ đã thu hồi của cụ Th1.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 10 tháng 8 năm 2017, chị Vũ Diệp Hoàng Lữ Ng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền của em gái chị Vũ Yến Minh An Th hiện đang cư trú tại Cộng hòa Liên bang Đức trình bày:

Diện tích đất của ông Th, bà Kh là bố mẹ hai chị đang có tranh chấp: Từ khi hai chị em chị Ng sinh ra, cả gia đình chị đã sinh sống trên diện tích đất này, cụ thể diện tích đất là bao nhiêu thì chị không biết. Phần đất của bố mẹ chị từ trước đến nay vẫn nguyên khuôn viên không thay đổi. Quá trình sử dụng, bố mẹ

chị có xây dựng nhà và các công trình phụ trên đất. Về yêu cầu chia thừa kế của bà Nh, chị không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân quận NQ trình bày: Theo báo cáo nguồn gốc đất số 50/BC-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân phường ĐG xác định diện tích đất thu hồi theo bản đồ thu hồi đất lập năm 2002 là 672,3m² trừ đi 206m² đất lấn ra mương, như vậy diện tích đất còn lại của cụ Th1 đang sử dụng là 465,3m². Nay theo kết quả đo vẽ hiện trạng đất thực tế lập ngày 16 tháng 11 năm 2017 và ngày 19 tháng 01 năm 2016 của đơn vị tư vấn là Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường được Ủy ban nhân dân phường ĐG xác nhận thì diện tích của hộ cụ Th1 sử dụng là 589,3m². Đối chiếu hồ sơ kỹ thuật thửa đất kèm theo bản đồ địa chính năm 1998 với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thì diện tích chênh lệch theo Bản vẽ thẩm định năm 2017 là 125,6m². Nguyên nhân tăng thêm là sau thời điểm năm 1998 có biến động về hồ sơ thửa đất được lập. Thực tế diện tích bị thu hồi của gia đình cụ Th1 là 672,3m², trong đó có 465,4m² đất thổ cư và 206m² đất sử dụng ra mương Giang Khê. Phần diện tích đất 206m² sử dụng ra mương Giang Khê không được bồi thường về đất. Đối với diện tích đất thổ cư, hộ gia đình cụ Th1 chưa nhận tiền bồi thường về đất; còn tiền bồi thường về vật kiến trúc trên đất các ông/bà Vũ Diệp Hoàng Lữ Ng, bà Vũ Thị Nh, bà Vũ Thị Th, ông Vũ Văn Th, Bà Lữ Thị Kh đã nhận đủ.

* Hồ sơ vụ án còn thể hiện:

Năm 2014, bà Nh khởi kiện yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất thổ cư của cụ Th1 là 469,4m² và đất mương. Sau khi xét xử sơ thẩm, chị em bà và ông Vũ Văn Th đều kháng cáo. Ngày 22 tháng 4 năm 2017 Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã hủy Bản án sơ thẩm số 05/2016/DS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vợ con ông Th vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là thiếu người tham gia tố tụng, quyền lợi của ba mẹ con bà Kh không được xem xét giải quyết trong cùng một vụ án là không đúng. Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ để xác định diện tích đất đang tranh chấp trong vụ án chia di sản thừa kế đứng tên cụ Th1 nhưng trong đó có 200m² đất mà ông Th, bà Kh xây nhà ở từ năm 1984 có khuôn viên độc lập, riêng biệt với cụ Th1 hay không để xác định đây là tài sản chung của ông Th bà Kh được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân để chia theo quy định tại Điều 14, Điều 42 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Báo cáo số 17/UBND-BC ngày 19 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân phường ĐG để chia diện tích đất 569,4m² trong đó có 206m² đất mương không được bồi thường là không chính xác vì theo bản đồ hiện trạng do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường lập ngày 16 tháng 01 năm 2015 thì thực tế diện tích đất của gia đình cụ Th1 bị thu hồi là 672,3m² trong đó có 465,4m² đất thổ cư và 206m² đất sử dụng ra mương Giang Khê. Nội dung này được thể hiện tại Quyết định số 394/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân quận NQ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm (lần 02) số 11/2019/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2019, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã căn cứ vào khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 623; điểm d khoản 1 Điều 688; Điều 649; Điều 650; Điều 651 của Bộ luật Dân sự; Án lệ số 03/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 27 của Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Nh yêu cầu chia thừa kế số tiền 446.300.000 đồng của cụ Th1 theo Bản án dân sự phúc thẩm số 08/2013/DS-PT ngày 28 tháng 01 năm 2013 của Tòa án nhân thành phố Hải Phòng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Nh về yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ Vũ Văn Th và cụ Trần Thị Th1 là quyền sử dụng 465,4m² đất tại số 240 ĐC, phường ĐG, quận NQ, thành phố Hải Phòng như sau:

- Bà Vũ Thị Nh, bà Vũ Thị Th, bà Vũ Thị Ph, ông Vũ Văn Th mỗi người được hưởng tài sản thừa kế là quyền sử dụng 53,08m² đất.

- Chị Lê Thị Hồng Ng, chị Lê Thị Ngọc H và anh Lê Trí T được thừa kế thế vị suất của bà Vũ Thị Nh1 là quyền sử dụng 53,08m² đất.

- Tài sản chung của ông Vũ Văn Th và Bà Lữ Thị Kh là 200m² đất, ông Th và bà Kh mỗi người được quyền sử dụng 100m² đất.

Toàn bộ diện tích trên đã có phương án bồi thường theo quy định nên:

- Bà Vũ Thị Nh, bà Vũ Thị Th, bà Vũ Thị Ph mỗi người được nhận tiền bồi thường tương ứng với diện tích đất đã được chia là 53,08m².

- Chị Lê Thị Hồng Ng, chị Lê Thị Ngọc H và anh Lê Trí T được nhận tiền bồi thường tương ứng với diện tích đất đã được chia là 53,08m².

- Ông Vũ Văn Th được nhận tiền bồi thường tương ứng với diện tích 153,8m² đất.

- Bà Lữ Thị Kh được nhận tiền bồi thường tương ứng với diện tích 100m² đất.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo bản án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 06/6/2019, nguyên đơn bà Nh có đơn kháng cáo về việc bản án sơ thẩm xác định 200m² đất mà ông Th đang sử dụng là tài sản chung của vợ chồng ông Th và bà Kh. Bà cho rằng việc Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng áp dụng Án lệ số 03 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để xác định 200m² đất thuộc tài sản chung của ông Th bà Kh trong vụ án này là không đúng, gây ảnh hưởng tới quyền lợi của bà và những người thừa kế.

- Tại đơn kháng cáo ngày 26/5/2019 và đơn kháng cáo bổ sung ngày 12/6/2019, ông Th kháng cáo toàn bộ bản án, không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Nh về việc chia thừa kế.

Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã đưa ra vụ án ra xét xử lần thứ nhất nhưng do vắng mặt anh Lê Trí T và đại diện UBND quận NQ nên đã hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa phúc thẩm.

Các đương sự không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ nào mới; giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không thỏa thuận được với nhau về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

- Quan điểm của bà Vũ Thị Nh và người đại diện theo ủy quyền đề nghị Hội đồng xét xử: Sửa bản án sơ thẩm, không áp dụng Án lệ số 03 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao như bản án sơ thẩm viện dẫn và xác định toàn bộ diện tích 465,4m² đất đang tranh chấp là di sản thừa kế và chia đều cho 05 người con của cụ Th1 và cụ Th. Bà Nh cũng thừa nhận năm 1984 cụ Th1 cho vợ chồng ông Th bà Kh ra ở riêng; vợ chồng ông Th có vượt lập đất để làm nhà.

- Quan điểm của ông Vũ Văn Th và Bà Lữ Thị Kh: Xác định toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp là tài sản của ông bà, do đã được cụ Th1 cho khi ra ở riêng từ năm 1984. Hai ông bà có công sức vượt lập, cải tạo từ khi còn là ao, ruộng mới có mặt bằng như hiện nay. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn. Bà Kh sau khi ly hôn vẫn ở chung nhà với ông Th và các con cho đến cuối năm 2017 mới chuyển đến địa chỉ mới; hai ông bà có công sức ngang nhau. Nếu Tòa án xác định tài sản chung vợ chồng hoặc công sức thì đề nghị chia đôi cho hai ông bà.

- Chị Vũ Hoàng Diệp Lữ Ng thống nhất với lời khai của ông Th, bà Kh, xác nhận phần tài sản của cá nhân trên đất đã được Nhà nước bồi thường và đã nhận đủ. Chị Ng đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật bảo đảm quyền lợi của bố mẹ chị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Lê Trí T vắng mặt, qua xác minh thể hiện nhiều năm nay đi đâu không rõ, hiện không có mặt tại nơi cư trú; đại diện UBND quận NQ đã triệu tập hợp lệ, vắng mặt nhưng đã có quan điểm. Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử. Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng khác cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Có đủ căn cứ xác định diện tích đất đang tranh chấp là của cụ Th và cụ Th1 tạo lập. Có sự kiện năm 1984 cụ Th1 cho vợ chồng ông Th, bà Kh ra ở riêng, dựng nhà nhưng không có căn cứ cụ Th1 đã chuyển nhượng, tặng cho vợ chồng ông Th bà Kh quyền sử dụng đất. Quá trình sinh sống trên đất ông Th, bà Kh không đăng ký quyền sử dụng, không được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó bản án sơ thẩm áp dụng Án lệ số 03 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao là sai lầm trong việc áp dụng pháp luật.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nhận thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Nh, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Th; tuy nhiên có căn cứ xác định vợ chồng ông Th, bà Kh có công sức nhất định trong việc cải tạo, vượt lập, quản lý di sản; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự để sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Áng trích một phần công sức cho ông Th và bà Kh; phân di sản còn lại chia đều cho các thừa kế của cụ Th1 và cụ Th. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về di sản thừa kế, diện thừa kế.

[1.1] Vợ chồng cụ Vũ Văn Th và cụ Trần Thị Th1 khi còn sống có diện tích đất 1.023m² đất ở khu DC, xã DG, huyện An Hải (nay là 240 đường An Đăng, khu DC, phường DG, quận NQ) thành phố Hải Phòng. Theo sổ mục kê lập năm 1986 tại Ủy ban nhân dân phường DG và Bản thẩm định nguồn gốc sử dụng nhà và đất số 316/TNMT ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận NQ (BL 957, 392) xác định: Nguồn gốc sử dụng đất của cụ Trần Thị Th1 có đăng ký trong sổ địa chính số 598 + 599 tờ bản đồ 01 diện tích đất 1.023m². Cụ Th1 đã chuyển nhượng một phần cho người khác. Diện tích đất còn lại tại thời điểm đăng ký quyền sử dụng đất năm 1998 là 585,4m² đất thổ cư nằm tại thửa số 58, tờ bản đồ số 20. Năm 1999 cụ Th1 đã chuyển nhượng 60m² đất cho ông Nguyễn Anh Tuấn và 60m² đất cho ông Bùi Văn D nên diện tích đất thổ cư của cụ Th1 chỉ còn lại: 585,4m² - 60m² - 60m² = 465,4m². Tại Quyết định thu hồi đất số 394/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân quận NQ (BL 394) đã quyết định thu hồi toàn bộ diện tích đất đứng tên cụ Th1, trong đó có 465,4m² đất thổ cư với tổng số tiền bồi thường là 5.036.282.055 đồng. Diện tích 206m² đất sử dụng ra mương Giang Khê không đủ điều kiện bồi thường về đất. Nội dung này được khẳng định lại một lần nữa tại Công văn số 1250 ngày 20/10/2017 của Ủy ban nhân dân quận NQ trả lời Tòa án cấp sơ thẩm. Như vậy, theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy Bản án sơ thẩm xác định di sản thừa kế cần phân chia trong vụ án là 465,4m² đất thổ cư mang tên cụ Th1 (đã bị thu hồi và có phương án bồi thường) là chính xác.

[1.2] Về diện và hàng thừa kế: Vợ chồng cụ Vũ Văn Th và cụ Trần Thị Th1 sinh được 05 người con gồm các ông, bà: Vũ Thị Nh, Vũ Thị Nh1, Vũ Thị Th, Vũ Thị Ph và ông Vũ Văn Th. Bà Nh1 đã chết năm 1999, người thừa kế thế vị của bà Nh1 gồm: Chị Lê Thị Hồng Ng, Lê Thị Ngọc H và anh Lê Trí T. Cụ Th chết năm 1960, cụ Th1 chết tháng 7 năm 2012 và đều không để lại di chúc.

[1.3] Bà Vũ Thị Nh khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của hai cụ với diện tích 465,4m² đất thổ cư là di sản của cụ Th1 và cụ Th mà nhà nước đã thu hồi và đã xác định giá trị bồi thường. Bà Nh còn có yêu cầu chia thừa kế số tiền 446.300.000 đồng của cụ Th1 được hưởng theo Bản án phúc thẩm số 08/2013/DS-PT ngày 28 tháng 01 năm 2013 của Tòa án nhân thành phố Hải Phòng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nh đã tự nguyện rút yêu cầu này nên bản án sơ

thẩm đã chấp nhận và đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu này và chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nh về việc phân chia di sản thừa kế của hai cụ đối với diện tích 465,4m² đất thổ cư đứng tên cụ Trần Thị Th1 là phù hợp, đúng pháp luật. Bản án sơ thẩm cũng đã xác định những người được hưởng thừa kế gồm các ông/bà : Vũ Thị Nh, Vũ Thị Th, Vũ Thị Ph và ông Vũ Văn Th và xác định chị Lê Thị Hồng Ng, Lê Thị Ngọc H và anh Lê Trí T được hưởng thừa kế thế vị của bà Vũ Thị Nh1 là chính xác, có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của ông Vũ Văn Th:

Ông Vũ Văn Th và Bà Lữ Thị Kh (Vợ ông Th, đã ly hôn năm 1994) cho rằng cụ Th1 đã bán hết diện tích của vợ chồng cụ Th1, diện tích đất 465,4m² là tài sản chung của ông bà được cụ Th1 cho trong thời kỳ hôn nhân của ông và bà Kh còn tồn tại, khi ông bà ly hôn Tòa án chưa phân chia... nên không đồng ý chia di sản thừa kế cho những người thừa kế của cụ Th1 và cụ Th. Xét thấy: Thừa đất vẫn đứng tên cụ Th1; ông Th không chứng minh được việc cụ Th1 khi còn sống đã chuyển nhượng, tặng cho vợ chồng ông quyền sử dụng đất; mặt khác, vợ chồng ông không có tên trong sổ sách địa chính, không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; việc ông và vợ ông khi ly hôn có khai về bất động sản có 200m² đất chỉ là tự khai của ông bà, không có tài liệu chứng minh và cũng không được Tòa án công nhận khi giải quyết khi ly hôn. Do đó kháng cáo của ông Th về việc không chấp nhận chia di sản thừa kế và cho rằng toàn bộ diện tích đất hiện đang tranh chấp của ông và bà Kh là không phù hợp, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của bà Nh không đồng ý về việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Án lệ số 03/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (Được thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao). Hội đồng xét xử nhận thấy:

Nội dung của Án lệ này được khái quát như sau: “*Trường hợp cha mẹ đã cho vợ chồng người con một diện tích đất và vợ chồng người con đã xây dựng, nhà kiên cố trên diện tích đất đó để làm nơi ở, khi vợ chồng người con xây dựng nhà thì cha mẹ và những người khác trong gia đình không có ý kiến phản đối gì; vợ chồng người con đã sử dụng nhà, đất liên tục, công khai, ổn định và đã tiến hành việc kê khai đất, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phải xác định vợ chồng người con đã được tặng cho quyền sử dụng đất*”. Đối chiếu với nội dung vụ án này thì thấy: Vợ chồng ông Th bà Kh có làm nhà cấp 4 và công trình phụ trên đất từ năm 1984; năm 1994 hai vợ chồng ông bà ly hôn. Quá trình Tòa án nhân dân quận NQ giải quyết vụ án ly hôn, ông Th và bà Kh có nêu tài sản chung vợ chồng về bất động sản có 200m² đất nhưng đó chỉ là lời khai của hai vợ chồng ông bà mà không có tài liệu nào thể hiện đã được cụ Th1 tặng cho, chuyển nhượng hoặc ông bà đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 200m² đất; do hai ông bà đề nghị được tự giải quyết tài sản chung vợ chồng nên tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn của Tòa án nhân dân quận NQ chỉ giải quyết về phần quan hệ hôn nhân và con chung. Quá trình sống trên

đất và sau ly hôn, cả hai ông bà không kê khai, không có tên trong sổ địa chính, không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặt khác, khi cụ Th1 còn sống cụ đã làm nhà trên đất và sống cùng bà Ph cho đến khi cụ Th1 qua đời; trên đất còn có nhà của bà Nh được cụ Th1 cho phép xây dựng. Nay, ông Th lại cho rằng toàn bộ diện tích đất trên là của ông là không phù hợp, ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các thừa kế khác. Với những phân tích trên, việc bản án sơ thẩm áp dụng Án lệ số 03/2016/AL ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và xác định trong diện tích 465,4m² đất là di sản thừa kế của hai cụ có 200m² đất là tài sản chung của ông Th, bà Kh được cụ Th1 cho khi kết hôn là không phù hợp. Kháng cáo của bà Nh và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tại phiên tòa về nội dung này là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Tuy nhiên, xét thấy vợ chồng ông Th sống trên đất này từ năm 1984, quá trình ở trên đất có công sức trong việc tôn tạo, vượt lập, quản lý là sự thực. Do đó Hội đồng xét xử sẽ chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, áng trích công sức cho hai vợ chồng ông một phần giá trị di sản thừa kế, tương ứng với 65,4m² đất nhằm bảo đảm quyền lợi cho ông, bà. Tại phiên tòa phúc thẩm cả ông Th và bà Kh đều xác định mặc dù đã ly hôn nhưng bà Kh vẫn sống chung với ông Th và các con tại địa chỉ của ông Th, đến cuối năm 2017 bà Thảo mới chuyển đến địa chỉ hiện tại và cùng xác định hai người có công sức ngang nhau, nếu được chia thì đề nghị được chia ngang nhau. Do đó mỗi người sẽ được hưởng phần công sức bằng nhau, tương ứng với giá trị của 32,7m² đất.

[5] Với những phân tích, nhận định trên, căn cứ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tại phiên tòa, căn cứ nội dung vụ án, Hội đồng xét xử sẽ sửa bản án sơ thẩm theo hướng như sau: Do hai cụ Th và Thoa chỉ có 05 người con. Cụ Th chết năm 1960, cụ Th1 chết năm 2012, trước, trong thời kỳ hôn nhân và sau khi hai cụ chết không phát sinh thêm người thừa kế mới do đó chỉ cần mở thừa kế một lần tại thời điểm cụ Th1 chết. Sau khi trừ đi phần công sức của vợ chồng ông Th và bà Kh tương ứng với quyền sử dụng 65,4m² đất thổ cư, di sản là quyền sử dụng đất còn lại: $(465,4\text{m}^2 - 65,4\text{m}^2) = 400\text{m}^2$ sẽ được chia đều cho 05 người thừa kế gồm: bà Vũ Thị Nh, bà Vũ Thị Th, bà Vũ Thị Ph, ông Vũ Văn Th và bà Vũ Thị Nh1, mỗi kỷ phần được hưởng tương ứng với quyền sử dụng 80m² đất. Kỷ phần thừa kế của bà Vũ Thị Nh1 sẽ do những người thừa kế thế vị của bà được hưởng, gồm: Chị Lê Thị Ngọc H, chị Lê Thị Hồng Ng và anh Lê Trí T và được hưởng ngang nhau tương ứng 1/3 kỷ phần thừa kế. Vì diện tích đất hiện nay nằm trong quy hoạch và đã được Ủy ban nhân dân quận NQ thu hồi cho dự án khu đô thị mới Ngã Năm - Sân bay Cát Bi, đã có quyết định và phương án bồi thường với tổng số tiền là 5.036.282.055 đồng (BL 397). Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ không giao cho các đương sự bằng hiện vật mà giao bằng giá trị tương ứng với diện tích đất được hưởng. Giá trị mỗi mét vuông đất là giá trị tính bình quân của tổng số tiền được bồi thường cho 465,4m² đất thổ cư đã bị thu hồi, không phụ thuộc vào vị trí đất thực tế của mỗi đương sự đang quản lý là: $5.036.282.055 : 465,4\text{m}^2 = 10.821.405 \text{ đồng/m}^2$ (Làm tròn). Do

anh Lê Trí T hiện không có mặt tại nơi cư trú, không rõ địa chỉ, để bảo đảm quyền lợi của anh T nên sẽ giao cho chị Lê Thị Ngọc H là chị gái anh T được nhận, quản lý và có nghĩa vụ chi trả cho anh Lê Trí T phần di sản thừa kế của anh T được hưởng. Các đương sự có quyền liên hệ với Ủy ban nhân dân quận NQ và các cơ quan liên quan để nhận số tiền là kỷ phần thừa kế của mình được hưởng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí: Các đương sự phải (hoặc không phải) chịu án phí theo quy định tại Điều 147, 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 2 Luật Người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị Nh; không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Văn Th. Sửa một phần của bản án dân sự sơ thẩm số 11/2019/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng như sau:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 1 Điều 623; điểm d khoản 1 Điều 688; Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 652 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Nh yêu cầu chia thừa kế số tiền 446.300.000 đồng của cụ Th1 theo Bản án phúc thẩm số 08/2013/DS-PT ngày 28 tháng 01 năm 2013 Tòa án nhân thành phố Hải Phòng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Nh về yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ Vũ Văn Th và cụ Trần Thị Th1 là quyền sử dụng 465,4m² đất tại số 240 ĐC, phường ĐG, quận NQ, thành phố Hải Phòng như sau:

2.1. Xác định di sản thừa kế của cụ Th và cụ Th1 là 465,4m² đất thổ cư tại khu ĐC, xã ĐG, huyện An Hải (nay là khu ĐC, phường ĐG, quận NQ) thành phố Hải Phòng có giá trị đã được phê duyệt bồi thường là 5.036.282.055 (*Năm tỷ, không trăm ba mươi sáu triệu, hai trăm tám mươi hai nghìn, không trăm năm mươi năm*) đồng.

2.2. Những người được hưởng thừa kế gồm: bà Vũ Thị Nh, bà Vũ Thị Th, bà Vũ Thị Ph, ông Vũ Văn Th và người thừa kế thế vị của bà Vũ Thị Nh1 gồm: chị Lê Thị Ngọc H, chị Lê Thị Hồng Ng và anh Lê Trí T

2.3. Áng trích công sức cho ông Vũ Văn Th và Bà Lữ Thị Kh một phần di sản tương ứng với giá trị nhà nước bồi thường quyền sử dụng của 65,4m² đất. Chia phần:

- Ông Th được hưởng giá trị bồi thường quyền sử dụng 32,7m² đất = 353.859.943 (Ba trăm năm mươi ba triệu, tám trăm năm mươi chín nghìn, chín trăm bốn mươi ba) đồng.

- Bà Kh được hưởng giá trị bồi thường quyền sử dụng 32,7m² đất = 353.859.943 (Ba trăm năm mươi ba triệu, tám trăm năm mươi chín nghìn, chín trăm bốn mươi ba) đồng.

2.4. Bà Vũ Thị Nh, bà Vũ Thị Th, bà Vũ Thị Ph, ông Vũ Văn Th mỗi người được hưởng tài sản thừa kế là giá trị bồi thường quyền sử dụng 80m² đất = 865.712.400 (Tám trăm sáu mươi năm triệu, bảy trăm mười hai nghìn, bốn trăm) đồng.

2.5 Cộng với phần giá trị công sức, ông Th được nhận tổng giá trị bồi thường quyền sử dụng 112,7m² đất = 1.219.572.343 (Một tỷ, hai trăm mười chín triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn, ba trăm bốn ba) đồng.

2.6. Chị Lê Thị Hồng Ng, chị Lê Thị Ngọc H và anh Lê Trí T được thừa kế thế vị suất của bà Vũ Thị Nh1 tương ứng giá trị nhà nước bồi thường quyền sử dụng 80m² đất = 865.712.400 đồng (Tám trăm sáu mươi năm triệu, bảy trăm mười hai nghìn, bốn trăm). Mỗi người được nhận 288.570.800 (Hai trăm tám mươi tám triệu, năm trăm bảy mươi ngàn, tám trăm) đồng. Giao cho chị Lê Thị Ngọc H là chị gái anh T được nhận, quản lý và có nghĩa vụ chi trả cho anh Lê Trí T phần di sản thừa kế của anh T được hưởng là 288.570.800 đồng.

3. Giao cho Ủy ban nhân dân quận NQ phối hợp với các cơ quan liên quan đến việc quản lý, chi trả số tiền bồi thường đã được phê duyệt là 5.036.282.055 (Năm tỷ, không trăm ba mươi sáu triệu, hai trăm tám mươi hai nghìn, không trăm năm mươi năm) đồng cho các đương sự theo quyết định của bản án phúc thẩm này.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Vũ Thị Nh, bà Vũ Thị Th do là người cao tuổi và thuộc hộ nghèo. Trả lại số tiền 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Vũ Thị Nh đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004645 ngày 17 tháng 3 năm 2014 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Vũ Thị Ph, ông Vũ Văn Th do thuộc đối tượng người cao tuổi.

- Chị Lê Thị Ngọc H, chị Lê Thị Hồng Ng, anh Lê Trí T mỗi người phải chịu 14.428.540 (Mười bốn triệu, bốn trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm bốn mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm; giao cho chị Lê Thị Ngọc H nộp thay anh Lê Trí T tiền án phí và đối trừ với số tiền anh T được hưởng thừa kế.

- Bà Lữ Thị Kh phải chịu 17.692.997 đồng (Mười bảy triệu, sáu trăm chín mươi hai nghìn, chín trăm chín mươi bảy) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Vũ Văn Th.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Hải Thanh